

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/08/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTC2+TD1+P8	7:25	7+5+10	0+0+0		3+6+13	0+0+0	
2		BK21+P6+P8	7:25	4+13+4	0+0+0		5+7+10	0+0+0	
3		BK14+RP3+BK19	9:25	5+14+0	0+0+0		0+15+5	0+0+0	
4		P2+BK8+P6	9:25	6+1+14	0+0+0		0+0+21	0+0+0	chuyen 2 bk8-p2
5		BK10+P8+TTC2	10:45	3+12+1	0+0+0		0+18+4	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày TTC2-3ng, P8-5ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/08/2024	TO: TTC2 - TD1 - P8	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: CHIẾN - SƠN - TÚ	ETA: 09:20
<i>Xanh - 1</i>			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NOVIKOV A.	TTC2	51	1	2		85	D-HANH	Russian
2	NGUYEN HOAI VU	TTC2					63	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN LUU VU	TTC2				40	71	ANTOAN	Vietnamese
4	HOANG QUOC BAO (HLO)	TTC2	48	1	2		61	KH-THAC	Vietnamese
5	TA MANH HUNG	TTC2					66	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VAN THUC	TTC2	49	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
7	LE TIEN QUY	TTC2	50	1	5		67	PSV	Vietnamese
8	PHAM TRUNG THUY	TD1	79	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	VU HUNG TUAN	TD1	85	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG LONG HAI	TD1	83-84	2	8		83	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG NAM HAI	TD1	81-82	2	15		90	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TRUNG ĐỨC	TD1	86	1	6		80	PSV	Vietnamese
13	VU VAN TRUNG	TD1	80	1	13		73	DVL	Vietnamese
14	HOANG ANH TU	P8					82	D-HANH	Vietnamese
15	HUYNH CHANH PHAT	P8	22	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN ANH TRI	P8	25-26	2	24		60	KH-THAC	Vietnamese
17	LE QUANG HIEN	P8					77	KH-THAC	Vietnamese
18	CHU MINH HUNG	P8	24	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN VAN THINH	P8	23	1	4		73	NIPI	Vietnamese
20	DINH QUANG TRUNG	P8					72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HUU PHUONG	P8					79	BIENDONG	Vietnamese
22	LE NGOC HAI	P8	20-21	2	15		99	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	7	4	17	463	40	3		
2	TD1	6	8	52	464	0	7		
3	P8	9	7	49	690	0	12		
TOTAL		22	19	118	1.617	40	22		
WEIGHT KG				118	1.617	40			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/08/2024	TO: P6 - P8 - BK21	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: DUONG - N.CUONG -	ETA: 09:25
CAM - 1		MQUAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU THE ANH	P6	39	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
2	VAN MINH TAN	P6	56	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
3	VU DINH SY	P6	43-44	2	17		67	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG TUAN	P6	54	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC KHANH	P6	41-42	2	17		81	YTE	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG BACH	P6	38	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HUY HUNG	P6	49	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN VAN BANG	P6	55	1	5	70	75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN DINH DUC	P6	52	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DINH QUANG	P6	53	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG TRONG PHUC	P6	50-51	2	17		71	KH-THAC	Vietnamese
12	LAM VAN KHUONG	P6	48	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN LAM GIANG	P6	40	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
14	LE QUY TOAN	P8	14-15	2	13		64	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN CHAU NAM	P8	13	1	13		94	KH-THAC	Vietnamese
16	VU XUAN THANH	P8	12	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
17	LE VAN TAN	P8	11	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THI HANG	P8					60	NIPI	Vietnamese
19	LE VAN TOAN (HLO)	BK21	74	1	3	20	67	KH-THAC	Vietnamese
20	LE TRUNG TUAN	BK21	72	1	13		74	KH-THAC	Vietnamese
21	VU DUC DUNG	BK21	70-71	2	15		93	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TIEN THUAT	BK21	73	1	11		83	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	13	16	120	891	70	6		
2	P8	5	5	38	355	0	11		
3	BK21	4	5	42	317	20	5		
TOTAL		22	26	200	1.563	90	22		
WEIGHT KG				200	1.563	90			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/08/2024	TO: BK14 - RP3 - BK19	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: CHIẾN - SON - TÚ	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN KHA	BK14	19	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN ĐĂNG	BK14	84-85	2	20	10	53	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN QUÂN	BK14	80-81	2	14		69	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN KHÁC TÚ	BK14	82-83	2	11		63	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN NGỌC QUYẾT	RP3	33	1	12		62	XAYLAP	Vietnamese
6	DƯƠNG SỸ CHIẾN	RP3	40	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
7	TRỊNH HỮU CHUNG	RP3	94	1	15	15	87	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN BÁC	RP3	31	1	15		74	XAYLAP	Vietnamese
9	HỒ SỸ TRUNG	RP3	92-93	2	13		67	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP3	99	1	8		64	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN MINH	RP3	01	1	15	9	65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG ĐOÀN	RP3	34-35	2	19		76	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN KHÁC SAU	RP3	32	1	16		66	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN DANH LUẬT	RP3	36-37	2	17		66	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH HÙNG	RP3	03	1	18		70	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN VĂN HẠNH	RP3	38-39	2	19		59	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN ĐỨC CHÍN	RP3	96-97	2	20		69	XAYLAP	Vietnamese
18	LẠI ĐĂNG ROONG	RP3	90-91	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	4	7	57	255	10	0		
2	RP3	14	20	217	958	24	15		
3	BK19	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		18	27	274	1.213	34	20		
WEIGHT KG				274	1.213	34			

GRAND TOAL: 1.521 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/08/2024	TO: P2 - BK8 - P6	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: DU'ONG - N.CU'ONG -	ETA: 11:45
XANH-2		MQUAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VAN TAN	P2	98-99	2	17		64	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN QUOC VIET	P2	96-97	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN VAN TU	P2	93	1	9	15	63	XAYLAP	Vietnamese
4	DOAN VAN GIAP	P2	91-92	2	19		73	XAYLAP	Vietnamese
5	VU LE HUNG	P2	95	1	15		50	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN CHU	P2	3000	1	13		62	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN HOC	BK8	71	1	17		55	XAYLAP	Vietnamese
8	NGO VAN SANG	P6	61	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN PHU	P6	69	1	2	20	82	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM NGOC AN	P6	70	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
11	CAO MINH HOANG	P6	72	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN HUY THONG	P6	73	1	2		77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN THIN (HLO)	P6	63	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
14	LE DINH HUAN	P6	64	1	6		53	KH-THAC	Vietnamese
15	DO TRUONG DIEN	P6	68	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TRUONG	P6	71	1	7		70	PSV	Vietnamese
17	DUONG VAN TUAN	P6	65	1	6		60	PSV	Vietnamese
18	HOANG VAN TRONG	P6	62	1	5		102	PSV	Vietnamese
19	HO QUOC VU	P6	67	1	5		71	PSV	Vietnamese
20	LE MINH KHUONG	P6	66	1	6		85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	6	9	91	375	15	0 + 2		CHUYEN 2 PAX P2-BK8
2	BK8	1	1	17	55	0	0		
3	P6	13	13	73	956	20	22		
TOTAL		20	23	181	1.386	35	22		
WEIGHT KG				181	1.386	35			

GRAND TOAL: 1.602 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/08/2024	TO: BK10 - P8 - TTC2	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VĂNH - THÔNG	ETA: 12:35
VANG			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ HOÀNG NAM	BK10	48	1	14	26	76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG TUYỀN	BK10	53	1	15		64	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN DUY LONG	BK10	49-50	2	20		58	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT HOA	P8	20	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	28	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ DUY TRƯỜNG	P8	23	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TIỀN VŨ	P8	16	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ XUÂN TRUNG	P8	17	1	4		92	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ CHẾ LINH	P8	33	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VŨ NHẬT QUANG	P8	18-19	2	14		79	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN THANH SƠN	P8	32	1	16	19	76	T-TIN	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC CHI	P8	21	1	5		55	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HOÀI	P8	22	1	9		57	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN NHAN	P8	35-36	2	19		75	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN HOÀI NAM	P8	28	1	12		78	XAYLAP	Vietnamese
16	NGO DUC THUAN	P8	34	1	17		67	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN TUẤN MINH	TTC2	54	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	3	4	49	198	26	0		
2	P8	13	15	127	917	19	16		
3	TTC2	1	1	7	80	0	4		
TOTAL		17	20	183	1.195	45	20		
WEIGHT KG				183	1.195	45			

GRAND TOAL: 1.423 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Quỳ VSP

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/08/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP01+BK6+TD2	7:25	19+1+0	0+0+0		16+0+6	0+0+0	Chuyen 1 BK6-TD2
2		TJUNG	7:30	18	0		19	0	
3		TD1+P5+VSP01	9:25	6+0+9	0+0+0		0+2+19	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/08/2024	TO: TD1 - P5 - VSP01	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - VŨ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ NGỌC BÈN	TD1	78	1	14		76	KH-THAC	Vietnamese
2	TRÌNH HỮU CÂN	TD1	73	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH LUÂN	TD1	76	1	11		59	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ THAI THANH	TD1	74-75	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ MINH TUNG	TD1	77	1	11	80	73	KH-THAC	Vietnamese
6	TẠ HỒNG QUÂN	TD1	72	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THỦY	VSP01	30	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG QUÂN	VSP01	73	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP01	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TRƯỜNG	VSP01	32	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	31	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH THĂNG	VSP01	29	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH VĂN THÔN	VSP01					73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN SỸ HIỆU	VSP01	35	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN THẾ CƯỜNG	VSP01	34	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	6	7	75	415	80	0		
2	P5	0	0	0	0	0	3		
3	VSP01	9	8	43	599	0	19		
TOTAL		15	15	118	1.014	80	22		
WEIGHT KG				118	1.014	80			

GRAND TOAL: 1.212 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/08/2024	TO: VSP01 - BK6 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - VŨ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHERNYSHEV V.A.	VSP01	58	1	10		115	KH-THAC	Russian
2	VŨ QUANG HUY	VSP01	41	1	9	11	78	KH-THAC	Vietnamese
3	TRƯƠNG THANH PHU	VSP01					67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	35	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TUẤN	VSP01	22	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ XUÂN ĐỨC	VSP01	36	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG LONG	VSP01	59	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG TRỌNG CHUNG	VSP01	37-38	2	16		83	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG BA ĐIỀU	VSP01	55-56	2	12		56	YTE	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01					75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	39-40	2	11		72	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	34	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	54	1	9		83	KH-THAC	Vietnamese
14	DOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	32-33	2	11	50	75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC BE	VSP01	57	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN DUY BÌNH	VSP01	500	1	3		91	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM THỂ CHÍNH	VSP01	23-24	2	11		58	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN THUY	VSP01	53	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ANH TUẤN	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGÔ PHẠM THANH HUY	BK6	61-62	2	15		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	19	21	137	1.429	61	16		CHUYEN 1 PAX TU BK6-TD2
2	BK6	1	2	15	82	0	0	1	
3	TD2	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		20	23	152	1.511	61	22		
WEIGHT KG				152	1.511	61			

GRAND TOAL: 1.724 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/08/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HOÀI - VƯƠNG	ETA: 10:40
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGO HOAN	T.UNG	04	1	3	100	66	YTE	Vietnamese
2	NGUYEN DUY TUAN	T.UNG	09	1	7		80	PVEP ITC	Vietnamese
3	NGUYEN TRUNG KIEN	T.UNG					65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VU QUYEN	T.UNG	14	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN CHINH	T.UNG	01-02	2	7		63	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI TRONG SON	T.UNG	03	1	16		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MINH TRI	T.UNG	98	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
8	VU TIEN VINH	T.UNG	10	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	LE NGOC TOAN	T.UNG	43	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
10	KHONG THAI BINH	T.UNG	07	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
11	HO DINH HUY	T.UNG	06	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN SON	T.UNG	13	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐANG DINH THANG	T.UNG	05	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐANG THAI SON	T.UNG	11-12	2	16		88	KH-THAC	Vietnamese
15	VU QUANG THONG	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOAN ĐAC TUY	T.UNG	08	1	10		59	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN CHUONG	T.UNG	97	1	3		64	PSV	Vietnamese
18	HA ĐUC THANH	T.UNG	24	1	8		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	18	18	121	1.232	100	19		
TOTAL		18	18	121	1.232	100	19		
WEIGHT KG				121	1.232	100			

GRAND TOAL: 1.453 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN